

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST

Ngày: 07/5/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thoại Lượng

2. Bà Châu Thị Chúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Thanh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Luận - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2019/TLST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2019 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 16/4/2019) đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp Tân Đ, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; nhân thân tốt; bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, kể từ ngày 29/01/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Người bị hại:* Ông **Trần Thanh Đ**, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp Kinh M, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông **Trần Quan G**, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp Kinh M, xã An N, huyện Châu T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Mã Huy H**, sinh năm 1993; nơi cư trú: số 71/7, đường Trần Hưng Đ, khóm 7, phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

2. Ông **Trần Hữu T**, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 53, đường 22, khu đô thị 5A, khóm 4, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2011, bị cáo Nguyễn Văn T và người bị hại Trần Thanh Đ cùng được tuyển dụng vào làm nhân viên bảo vệ thuộc Công ty Bảo vệ “Phương Nam” (chi nhánh tỉnh Sóc Trăng). Trong thời gian làm việc, thì lãnh đạo Công ty có phân công T và Đ làm nhiệm vụ bảo vệ tại Công ty trách nhiệm hữu hạn “Thu Đại Thành” (Đồi Dương), thuộc khu vực ấp Phụng Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Vào khoảng 19 giờ, ngày 23/01/2011, bị cáo Nguyễn Văn T và người bị hại Trần Thanh Đ đến Công ty trách nhiệm hữu hạn “Thu Đại Thành” để làm việc (theo ca trực từ 19 giờ ngày 23/01/2011 đến 07 giờ ngày 24/01/2011). Do có mối quan hệ quen biết với nhau trước đó, nên đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T mới hỏi mượn chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Wayec, biển kiểm soát 83FD - 4909 của Đ để điều khiển chạy đi mua cà phê về uống, thì Đ đồng ý. Sau khi mua cà phê và trên đường về (lúc này khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày), thì T mới nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe gắn máy của Đ, nên sau đó T điều khiển xe chạy đến thành phố Hồ Chí Minh, để tìm việc làm khác. Trong thời gian đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, do không có tiền tiêu xài nên T đã bán chiếc xe nói trên cho một người thanh niên tên Hậu (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền là 1.500.000 đồng.

Đối với người bị hại Trần Thanh Đ, sau khi không thấy T mang xe về trả, nên đến ngày 08/02/2011, Đ đã đến cơ quan Công an xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để tố giác và yêu cầu xử lý đối với hành vi của Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận tố giác của người bị hại Trần Thanh Đ, xét thấy hành vi của Nguyễn Văn T có dấu hiệu của “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, nên Công an xã An Hiệp đã chuyển tố giác tội phạm nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để thụ lý điều tra theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/HĐĐG-TCKH, ngày 14/7/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thuộc UBND huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Wayec, biển kiểm soát 83FD - 4909, tại thời điểm ngày 23/01/2011 có giá trị thành tiền là 6.375.000 đồng.

Đến ngày 24/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; ngày 02/02/2015, ra quyết định khởi tố bị can và ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn T, về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 28/01/2019, thì lực lượng Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng kết hợp cùng lực lượng Công an phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh bắt được Nguyễn Văn T theo quyết định truy nã.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ 01 giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát

83FD - 4909, do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng ký cấp ngày 07/8/2009. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 25/QĐ-CQĐT, ngày 25/3/2019, giao trả giấy đăng ký xe máy nói trên cho người bị hại Trần Thanh Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Thanh Đ yêu cầu bị can Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe gắn máy nói trên với số tiền là 6.375.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-CT, ngày 15/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để xét xử bị cáo Nguyễn Văn T, về “Tội lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; khoản 1 Điều 42; Điều 45; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự: đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã giao trả giấy đăng ký xe máy nói trên cho người bị hại Trần Thanh Đ, nên không đặt ra để xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Thanh Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe gắn máy nói trên với số tiền là 6.375.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho người bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo cùng lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng ông Mã Huy H và ông Trần Hữu Tính, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, nên căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình

điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, của người bị hại, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, bị cáo nhận thức được việc bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã mượn chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 83FD - 4909 để đi công việc, nhưng bị cáo không mang chiếc xe nói trên về trả cho người bị hại mà cố ý dùng thủ đoạn gian dối rồi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong dư luận. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm tránh né sự xử lý của pháp luật, gây khó khăn cho công tác điều tra. Vì vậy, bị cáo phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật, không oan cho bị cáo. Cụ thể, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

*** Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:**

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

Đối với người thanh niên tên Hậu (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) là người trực tiếp mua xe gắn máy biển kiểm soát 83FD - 4909 của bị cáo Nguyễn Văn T với số tiền 1.500.000 đồng: do không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể của tên Hậu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không triệu tập và ghi lời khai được đối với tên Hậu, nên không đặt ra để xem xét.

Đối với ông Trần Văn Tính và ông Hùng (không xác định họ tên, địa chỉ cụ thể) là đại diện lãnh đạo Công ty Bảo vệ “Phương Nam”: theo lời khai của người bị hại Trần Thanh Đ và ông Trần Quan G (cha của ông Trần Thanh Đ) thì khi phát hiện bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy của ông Đ, thì ông Đ có báo cáo nội dung vụ việc cho ông Tính biết. Sau đó, do sợ bị ảnh hưởng đến uy tín của Công ty Bảo vệ “Phương Nam”, nên ông Tính và ông Hùng có bảo ông Đ và ông G dừng trình báo sự việc nói trên cho cơ quan Công an biết mà hãy để lãnh đạo Công ty Bảo vệ “Phương Nam” sẽ chịu trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe gắn máy nói trên cho ông Đ. Nhưng sau đó, giữa đại diện lãnh đạo Công ty Bảo vệ “Phương Nam” và ông Đ không thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, nên ông Đ đã đến cơ quan Công an xã An Hiệp tố giác và yêu cầu xử lý đối với hành vi của Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, đã xác định Công ty Bảo vệ “Phương Nam” đã giải thể vào năm 2016, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không triệu tập và ghi lời khai được đối với ông Tính và ông Hùng (do không xác định được địa chỉ cụ thể của ông Hùng, còn ông Tính thì hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương). Xét thấy, hành vi của ông Tính và ông Hùng chưa đủ yếu tố cấu thành “Tội che giấu tội phạm”, quy định tại Điều 313 Bộ luật hình sự năm 1999, nên không đặt ra để xem xét.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử có xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho người bị hại. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, mới hơn 17 tuổi. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Thanh Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại giá trị đối với chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 83FD - 4909 mà bị cáo chiếm đoạt qua kết quả định giá với số tiền là 6.375.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý tự nguyện bồi thường số tiền trên cho người bị hại Đ. Xét thấy, sự tự nguyện của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này của bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã giao trả giấy đăng ký xe mô tô, xe máy cho người bị hại Trần Thanh Đ, nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T là người bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm h, p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33, khoản 1 Điều 42; Điều 45; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về án mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho người bị hại Trần Thanh Đ với số tiền 6.375.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 319.000 đồng (đã tính tròn số).

Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện CT;
- Bị cáo, bị hại; NCQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CT;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhấn